

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 97/2025/DS-ST

Ngày: 26 - 9 - 2025

V/v: “T/C Hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Trí;

Ông Nguyễn Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T

Địa chỉ: Lầu A Tòa nhà C, số G N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, thành phố Hồ Chí Minh);

Đại diện theo pháp luật: NARITA CHIKARA, chức vụ: Tổng giám đốc;

Đại diện hợp pháp:

1. Trần Việt N, chức vụ: Phó Bộ phận quản lý công nợ; là người được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng;

2. Trần Nhật Q; địa chỉ: Số A M, phường C, thành phố Cần Thơ; là người được ủy quyền lại tham gia tố tụng. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Trương Thúy L, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã H, thành phố Cần Thơ). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 4 năm 2025, đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Trần Việt N trình bày:

Vào ngày 06 tháng 3 năm 2024, bị đơn là bà Trương Thúy L có ký hợp đồng tín dụng số: 10530005118926000 để vay tiền mua xe theo hình thức trả góp; số tiền vay: 57.800.000 đồng; lãi suất thỏa thuận: 42,0966%/năm; thời hạn vay: 24 tháng; mục đích vay: Mua phương tiện đi lại; phương thức trả nợ: Chuyển khoản; hình thức trả nợ: Trả góp theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng trả 3.614.413 đồng vào ngày 12 hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền là 14.467.239 đồng, bao gồm: 6.312.112 đồng nợ gốc, 8.097.992 đồng nợ lãi trong hạn, 9.135 đồng nợ lãi quá hạn và 48.000 tiền phí.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn là bà Trương Thúy L trả cho nguyên đơn số tiền là 71.126.805 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 51.487.888 đồng, nợ lãi trong hạn là 16.217.557 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.313.360 đồng, nợ phí là 108.000 đồng, và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi tất toán.

Tại văn bản ngày 15 tháng 9 năm 2025, đại diện nguyên đơn là ông Trần Nhựt Q yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 83.856.337 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 51.487.888 đồng; nợ lãi và phí tính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/9/2025) là: 24.352.974 đồng nợ lãi trong hạn, 7.859.475 đồng nợ lãi quá hạn và 156.000 đồng nợ phí.

- Bị đơn là bà Trương Thúy L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ) theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan; đại diện nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gồm: Hợp đồng tín dụng số: 10530005118926000 ngày 06 tháng 3 năm 2024 và Giấy đề nghị vay kiêm phương án sử dụng vốn ngày 06 tháng 3 năm 2024. Chứng minh giao dịch vay

tiền với các thỏa thuận về lãi suất và thời hạn thanh toán phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Ngược lại, phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến phản đối hay cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết vụ án trên cơ sở tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, chấp nhận ý kiến và các chứng cứ, tài liệu nguyên đơn đã cung cấp.

[3.2] Xét nội dung hợp đồng tín dụng số: 10530005118926000 ngày 06 tháng 3 năm 2024 thỏa thuận thời hạn thanh toán là 24 tháng. Đến nay, tuy chưa đến thời hạn tất toán, nhưng quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo định kỳ không đầy đủ theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trước thời hạn do vi phạm hợp đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.3] Xét khoản vay theo hợp đồng tín dụng số: 10530005118926000 ngày 06 tháng 3 năm 2024, được xác lập giữa các đương sự là thuộc trường hợp cho vay trung hạn nên mức lãi suất sẽ do tổ chức tín dụng và khách hàng tự thỏa thuận, không bị giới hạn ở mức lãi suất tối đa 20% của khoản tiền vay theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, mức lãi suất 42,0966%/năm mà các bên thỏa thuận là không trái quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3.4] Quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền là 14.467.239 đồng, bao gồm: 6.312.112 đồng nợ gốc, 8.097.992 đồng nợ lãi trong hạn, 9.135 đồng nợ lãi quá hạn và 48.000 tiền phí. Do đó, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 83.856.337 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 51.487.888 đồng; nợ lãi và phí tính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/9/2025) là: 24.352.974 đồng nợ lãi trong hạn, 7.859.475 đồng nợ lãi quá hạn và 156.000 đồng nợ phí là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 144, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 210 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc bị đơn là bà Trương Thúy L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là Công ty T (do bà Trần Việt N và ông Trần Nhựt Q đại diện) số tiền là 83.856.337 đồng (tám mươi ba triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc là 51.487.888 đồng, nợ lãi trong hạn là 24.352.974 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.859.475 đồng, nợ phí là 156.000 đồng.

2. Về án phí: Bà Trương Thúy L phải chịu 4.193.000 đồng (bốn triệu một trăm chín mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Công ty T (do bà Trần Việt N và ông Trần Nhựt Q đại diện) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.788.000 đồng (một triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000628 ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật (mức lãi suất các bên thỏa thuận là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 13-Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng